MIRAE ASSET Securities

28 Tháng Năm 2021

Bản tin cuối ngày
Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường

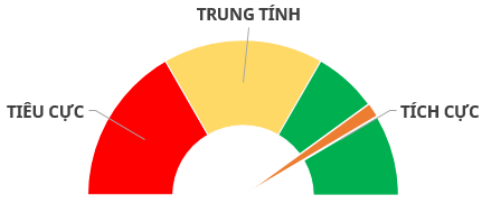

Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,320.46	2.85	7.39	53.29
HNX	310.46	4.18	10.06	183.16
UPCOM	86.11	5.49	7.48	56.54
MSCI EM	1,354.31	1.82	-0.78	46.36
NIKKEI	29,149.41	2.94	0.33	33.00
HANG SENG	29,106.16	2.28	0.12	25.82
KOSPI	3,188.73	1.02	0.23	57.19
FTSE	7,042.22	0.34	1.13	13.24
S&P 500	4,200.88	1.00	0.42	38.66
NASDAQ	13,736.28	1.48	-2.24	46.61

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.00	2.67	15.05
SET INDEX	29.97	1.71	5.94
JCI INDEX	27.67	1.58	4.46
PCOMP INDEX	28.53	1.64	5.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.14	1	-6	-99
10 năm	2.29	-5	-8	-82

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	23,049	0.01	-0.01	1.12
US$/KRW	1,115	1.03	-0.22	11.13
US$/JPY	110	-0.79	-1.12	-1.98
US$/EUR	0.82	-0.12	-0.58	-9.17
US$/GBP	0.70	-0.34	-1.83	-13.22
US$/SGD	1.32	0.70	0.18	7.17

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	945	854	432
HNX	136	106	57
UPCOM	57	37	26

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử

Nhận định thị trường

Cổ phiếu ngân hàng đưa VN-Index lên đỉnh

Sau khi chinh phục thành công đỉnh cũ 1.286, VN-Index đã có tuần rất tích cực với 4/5 phiên tăng điểm, tổng cộng so với mức đóng cửa tuần trước chỉ số đã tăng 36,53 (+2,85%).

Ngân hàng là nhóm cổ phiếu đáng chú ý nhất trong tuần với 8/10 mã trong danh sách các cổ phiếu đóng góp lớn nhất đến mức tăng của VN-Index trong tuần. Trong nhóm này, các cổ phiếu ngân hàng tầm trung như SSB, EIB ghi nhận mức tăng rất ấn tượng, lần lượt 21,9% và 22,5%. Mức tăng vượt xa mức tăng của các ngân hàng lớn nhất như VCB (+2,9%), BID (+5,4%) và CTG (+6,1%). GVR với mức tăng 13,4% đã đóng góp giúp VN-Index tăng 3,6 điểm và là cổ phiếu đóng góp nhiều nhất. Bên chiều giảm điểm, VIC với mức giảm 2,2% đã ảnh hưởng -2.4 điểm đến VN-Index.

Khối ngoại có 3 phiên mua ròng trong tuần, tuy nhiên tính cả tuần khối này đã bán ròng 463,54 tỷ đồng trên HSX và mua ròng 174 tỷ đồng trên HNX. HPG dẫn đầu danh sách bán ròng với giá trị 1.066 tỷ đồng bỏ xa vị trí thứ 2 là VIC với giá trị 232 tỷ đồng. Chiều mua ròng PLX là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với giá trị 544 tỷ đồng.

Trong 10 phiên gần nhất, chỉ số đã tăng 7 phiên, đáng chú ý khi VN-Index có chuỗi tăng 6 phiên liên tiếp từ 19/05 – 26/05, đây là dấu hiệu cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn đang lấn át. Ngưỡng 1.300 điểm đã được chinh phục và mục tiêu tiếp theo của chỉ số sẽ là vùng 1.400, trong ngắn hạn vùng 1.320 – 1.350 hiện tại có thể sẽ xuất hiện các phiên rung lắc. Điểm số kĩ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+5 (KHẢ QUAN).**

Phạm Bình Phương, Analyst,84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	5	KHẢ QUAN
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	4	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin tuần

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 14.650 tỷ đồng (tương đương 94,5% tổng giá trị phát hành bao gồm phát hành lần đầu và phát hành bổ sung), tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu tăng lên mức 3,2 lần từ mức 2,7 lần của tuần trước. Cụ thể kỳ hạn 5 năm huy động thành công 2.250 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,13%; Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 8.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,27% (-7bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,54% (-4bps); Và kỳ hạn 30 năm phát hành thành công 1.400/ 2.250 tỷ đồng tại mức lợi suất 3,05%.
- Tuần sau vào ngày 02/06 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 11.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 7 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 6.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng; và (4) kỳ hạn 20 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng**: Trong tuần 19 – 26/05, lãi suất liên ngân hàng đã tăng ở hầu hết các kỳ hạn trừ kỳ hạn 3 tháng. Cụ thể, các kỳ hạn O/N, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng, 6 tháng đã tăng lên các mức lần lượt 1,46% (+24bps), 1,49% (+16bps), 1,58% (+19bps), 1,8% (+31bps), 2,84% (+18bps). Chiều ngược lại kỳ hạn 3 tháng đã giảm về mức 1,81% (-3bps).
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 28/05/21 của NHNN tiếp tục giảm 0,108% so với cuối tuần trước, về mức 23.135 VND/USD. Tỷ giá NHTM biến động cùng chiều khi giảm 0,44% về 22.910 – 23.140 VND/USD. Tương tự, tỷ giá tự do cũng giảm 0,129% chiều mua và 0,086% chiều bán về mức 23.180 – 23.230 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	**KHẢ QUAN**
VN30	5	**KHẢ QUAN**
VN30F1M	5	**KHẢ QUAN**
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	**KHẢ QUAN**

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (28/05/2021)	1,320.5	Kháng cự 1	**1.350**
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	**1.400**
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 1	**1.250**
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 2	**1.200**

Trong 10 phiên gần nhất, chỉ số đã tăng 7 phiên, đáng chú ý khi VN-Index có chuỗi tăng 6 phiên liên tiếp từ 19/05 – 26/05, đây là dấu hiệu cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn đang lấn át. Ngưỡng 1.300 điểm đã được chinh phục và mục tiêu tiếp theo của chỉ số sẽ là vùng 1.400, trong ngắn hạn vùng 1.320 – 1.350 hiện tại có thể sẽ xuất hiện các phiên rung lắc. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **+5 (KHẢ QUAN).**

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

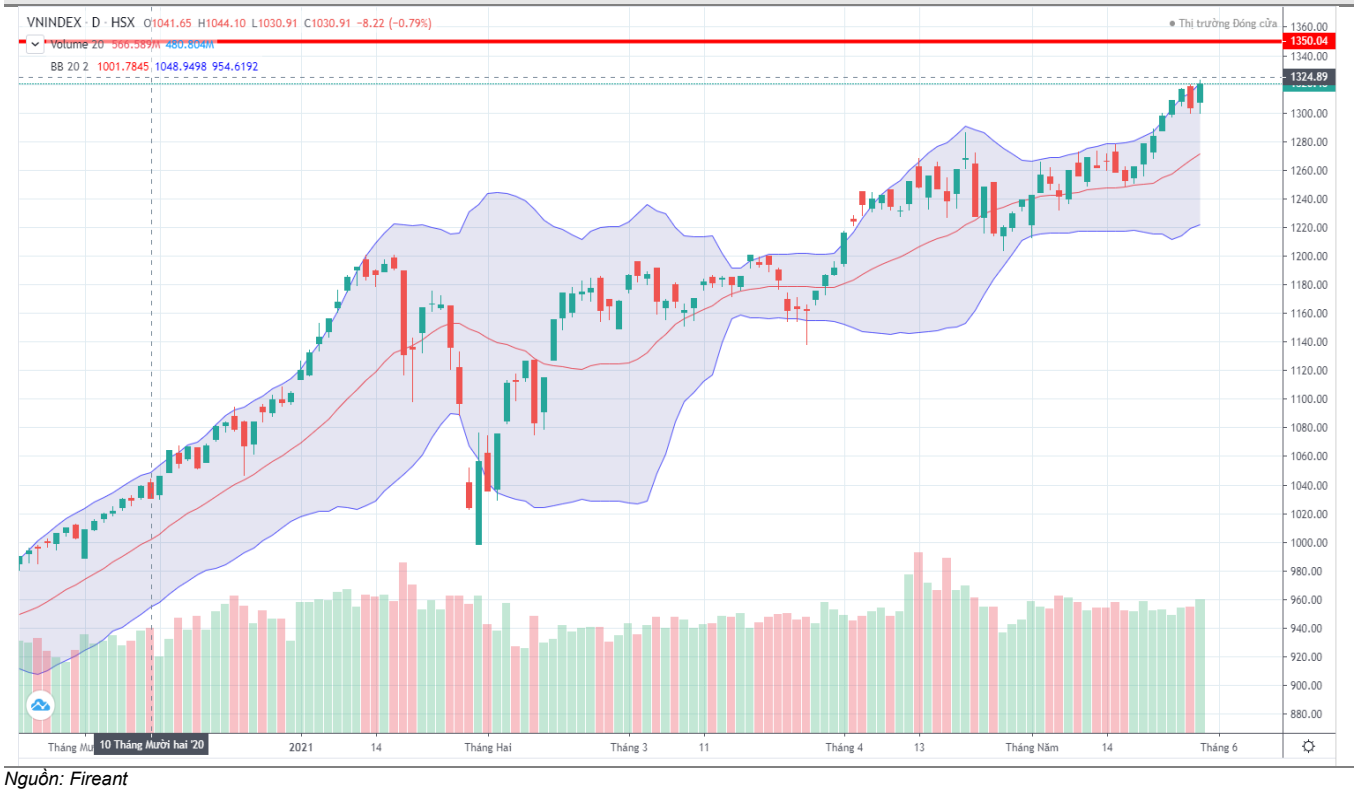

Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (21/05/2021)	1.462	Kháng cự 1	1.380
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.400
VN30 – đóng cửa	1.458	Hỗ trợ 1	1.350
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	+3,7	Hỗ trợ 2	1.300

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	7	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	6	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	5	KHẢ QUAN

Xu hướng tăng vẫn tiếp tục duy trì giúp cho VN30F1M lập vùng đỉnh cao nhất trong lịch sử. Tuy nhiên, một số chỉ báo hiện đã cho tín hiệu quá mua và sẽ có một nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn. Vì vậy, nhà đầu tư chấp nhận rủi ro cao có thể xem xét mở vị thế SHORT (Bán) theo chiến lược sau

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	1,465	**+ Long**	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	1,475	**+ Stop loss (Cắt lỗ)**	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	**1,430**	**+ Take profit (Chốt lời)**	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)

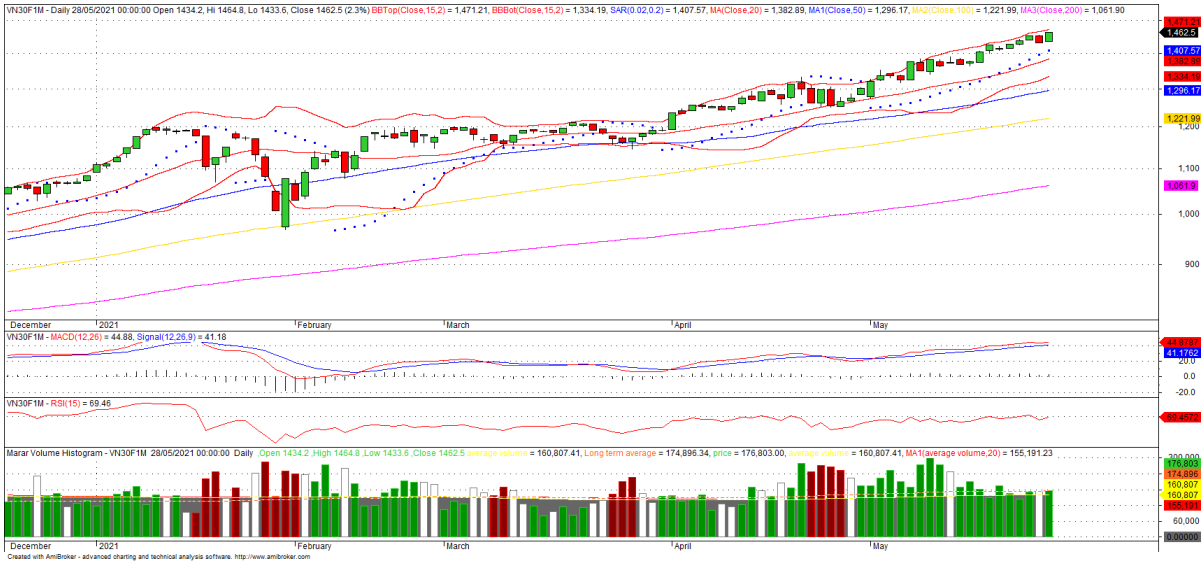

Nguồn: Fiinpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.35	4,063,445	2	TRUNG TÍNH	4,555	11.0	0.9
ACB	38.9	10,272,190	5	KHẢ QUAN	84,085	9.7	2.2
AMD	5.75	8,683,750	-6	TIÊU CỰC	940	38.3	0.5
ART	9.7	5,558,970	-4	TIÊU CỰC	940	36.0	0.8
ASM	12.95	2,317,925	4	KHẢ QUAN	3,352	7.4	0.7
BID	47.15	4,569,295	5	KHẢ QUAN	189,638	23.0	2.4
BMI	33.75	1,046,665	4	KHẢ QUAN	3,083	15.1	1.3
BSR	15.7	12,489,690	2	TRUNG TÍNH	48,678	#N/A N/A	1.6
BVH	55.5	848,485	6	KHẢ QUAN	41,199	21.8	2.0
CII	20.1	2,089,150	0	TRUNG TÍNH	4,801	361.3	1.0
CTD	59.1	515,790	5	KHẢ QUAN	4,390	17.6	0.5
CTG	51.2	19,640,224	0	TRUNG TÍNH	190,638	10.7	2.1
CTR	88	589,420	7	KHẢ QUAN	6,317	22.6	6.0
DBC	57.7	1,562,340	7	KHẢ QUAN	6,045	4.2	1.3
DCM	17	2,649,540	2	TRUNG TÍNH	9,000	15.2	1.4
DGC	71.2	1,171,770	2	TRUNG TÍNH	12,181	12.9	2.9
DGW	127	365,030	-3	TRUNG TÍNH	5,461	16.6	4.3
DHC	101.7	354,715	-4	TIÊU CỰC	5,695	12.1	3.9
DIG	31.45	5,257,995	7	KHẢ QUAN	11,018	14.4	2.3
DRC	27.65	1,177,615	4	KHẢ QUAN	3,285	11.6	1.9
DXG	27.1	9,018,890	7	KHẢ QUAN	14,046	#N/A N/A	2.1
EIB	31.9	1,156,410	7	KHẢ QUAN	39,219	44.8	2.3
FIT	14.2	5,087,405	5	KHẢ QUAN	3,617	53.1	1.2
FLC	12.15	27,163,784	-2	TRUNG TÍNH	8,626	6.3	0.9
FPT	94.8	2,411,895	4	KHẢ QUAN	74,808	20.1	4.5
FTS	29.2	1,077,120	7	KHẢ QUAN	3,862	9.3	1.6
GAS	82	716,930	-4	TIÊU CỰC	156,944	20.8	3.1
GEX	26.85	4,709,125	6	KHẢ QUAN	13,109	12.8	1.8
GIL	59.5	749,125	-6	TIÊU CỰC	2,141	5.3	1.5
GMD	37.7	3,192,590	-4	TIÊU CỰC	11,362	30.3	1.9
GVR	28.75	4,079,710	7	KHẢ QUAN	115,000	26.4	2.4
HAH	27	1,740,530	-6	TIÊU CỰC	1,280	7.7	1.1
HBC	14.4	4,561,190	-2	TRUNG TÍNH	3,325	37.6	0.9
HCM	37.45	5,569,825	4	KHẢ QUAN	11,424	15.2	2.4
HDB	32.85	7,751,105	1	TRUNG TÍNH	52,355	10.6	2.1
HDC	50.9	985,165	5	KHẢ QUAN	3,386	12.7	2.8
HDG	44.35	1,125,820	7	KHẢ QUAN	6,842	6.3	2.0
HNG	10.6	7,568,245	2	TRUNG TÍNH	11,751	451.5	1.3
HPG	67.1	26,857,360	-2	TRUNG TÍNH	222,321	12.3	3.4
HPX	36.5	848,465	6	KHẢ QUAN	9,654	89.4	2.9
HQC	3.44	15,778,435	-4	TIÊU CỰC	1,640	230.0	0.4
HSG	41.25	15,155,095	3	TRUNG TÍNH	18,341	7.6	2.3
IDC	37.4	2,315,155	7	KHẢ QUAN	11,220	35.8	3.0
IJC	30.45	4,277,715	7	KHẢ QUAN	6,611	10.0	2.0
ITA	7.1	10,004,860	0	TRUNG TÍNH	6,662	32.0	0.6
KBC	33.8	5,754,755	2	TRUNG TÍNH	15,878	20.6	1.6
KDC	56.6	1,276,470	4	KHẢ QUAN	12,947	42.1	2.2
KDH	39	4,854,255	4	KHẢ QUAN	21,793	18.2	2.6
KLF	5.2	8,488,500	-2	TRUNG TÍNH	860	#N/A N/A	0.5
LDG	7.12	4,896,620	4	KHẢ QUAN	1,705	154.8	0.5
LPB	28	19,810,320	7	KHẢ QUAN	30,090	13.4	2.0
LTG	36.6	975,910	-4	TIÊU CỰC	2,950	9.5	1.1

MBB	37.7	23,981,130	**5**	**KHẢ QUAN**	105,513	10.4	2.1
MBS	24.7	2,248,990	**0**	**TRUNG TÍNH**	5,703	13.6	2.2
MSN	112.5	2,383,130	**2**	**TRUNG TÍNH**	132,152	87.8	8.2
MWG	142.7	897,505	**-2**	**TRUNG TÍNH**	67,844	15.8	3.9
NKG	31.7	5,945,135	**-2**	**TRUNG TÍNH**	5,452	9.5	1.6
NLG	38.2	3,705,450	**0**	**TRUNG TÍNH**	10,897	9.5	1.6
NVB	21.5	6,753,380	**7**	**KHẢ QUAN**	8,746	806.0	2.0
NVL	134.9	2,022,040	**-2**	**TRUNG TÍNH**	145,927	32.2	4.6
PDR	77.8	3,473,205	**7**	**KHẢ QUAN**	37,871	28.8	7.1
PET	21.3	1,987,730	**2**	**TRUNG TÍNH**	1,780	11.6	1.1
PHR	53.7	773,300	**4**	**KHẢ QUAN**	7,276	7.6	2.3
PLX	54.8	2,464,495	**-2**	**TRUNG TÍNH**	68,161	18.8	2.9
PNJ	101	486,385	**2**	**TRUNG TÍNH**	22,964	20.3	4.0
POW	11.7	10,646,950	**0**	**TRUNG TÍNH**	27,400	11.3	0.9
PVD	20.65	5,507,625	**2**	**TRUNG TÍNH**	8,696	134.3	0.6
PVS	23.5	8,853,700	**5**	**KHẢ QUAN**	11,232	17.1	0.9
PVT	18	3,021,230	**7**	**KHẢ QUAN**	5,826	7.9	1.2
REE	59.3	759,295	**3**	**TRUNG TÍNH**	18,327	10.3	1.5
ROS	6.68	28,960,960	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,792	208.4	0.6
SAB	161.5	217,285	**6**	**KHẢ QUAN**	103,567	21.4	5.2
SBT	19.7	2,585,900	**0**	**TRUNG TÍNH**	12,158	17.4	1.5
SCR	9.24	4,782,145	**5**	**KHẢ QUAN**	3,385	19.2	0.7
SHB	30.2	24,106,984	**5**	**KHẢ QUAN**	58,152	17.4	2.3
SHI	29.75	2,416,885	**4**	**KHẢ QUAN**	2,710	35.7	2.4
SHS	35	8,831,535	**7**	**KHẢ QUAN**	7,254	7.4	1.9
SMC	38.4	976,465	**-4**	**TIÊU CỰC**	2,339	4.6	1.3
SSI	41.8	15,064,540	**5**	**KHẢ QUAN**	26,997	15.1	2.4
STB	31.85	45,413,584	**7**	**KHẢ QUAN**	57,446	21.3	1.9
SZC	36.5	874,915	**5**	**KHẢ QUAN**	3,650	17.2	2.7
TCB	53	18,953,110	**5**	**KHẢ QUAN**	185,760	13.0	2.4
TCH	22.5	5,346,260	**2**	**TRUNG TÍNH**	8,763	8.8	1.6
TLH	17.3	3,345,205	**-6**	**TIÊU CỰC**	1,741	22.9	1.1
TPB	36.1	7,263,000	**5**	**KHẢ QUAN**	38,687	9.5	2.1
TSC	16.6	6,519,610	**5**	**KHẢ QUAN**	2,451	145.6	1.5
TTF	6.57	5,149,370	**-6**	**TIÊU CỰC**	2,045	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	99.6	1,802,385	**6**	**KHẢ QUAN**	369,404	17.4	3.7
VCI	74.5	2,175,555	**0**	**TRUNG TÍNH**	12,404	13.1	2.5
VHC	40.2	910,625	**7**	**KHẢ QUAN**	7,314	10.5	1.4
VHM	104.6	3,969,605	**4**	**KHẢ QUAN**	344,083	13.3	3.8
VIB	64.3	1,291,480	**3**	**TRUNG TÍNH**	71,334	13.6	3.7
VIC	119.8	1,793,300	**-5**	**TIÊU CỰC**	405,215	55.1	5.0
VIX	26.9	5,935,550	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,436	5.1	1.7
VJC	112	474,240	**4**	**KHẢ QUAN**	60,660	49.6	4.0
VND	46	4,926,000	**3**	**TRUNG TÍNH**	9,868	8.5	2.2
VNM	91.1	4,344,115	**6**	**KHẢ QUAN**	190,395	19.5	6.1
VPB	68.6	34,425,280	**1**	**TRUNG TÍNH**	168,396	14.8	3.0
VPI	34.05	1,214,185	**-4**	**TIÊU CỰC**	6,810	22.3	2.5
VRE	30.55	6,378,645	**2**	**TRUNG TÍNH**	69,419	26.0	2.3

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Các nền kinh tế APEC dự kiến tăng trưởng 6,3% trong năm 2021

Cơ quan hỗ trợ chính sách thuộc Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC) vừa công bố Báo cáo phân tích xu hướng ở APEC (ARTA) tháng 5/2021, với nhận định mức tăng trưởng chung của các nền kinh tế thành viên APEC sẽ đạt 6,3% vào năm 2021, khi "nhu cầu bị dồn nén" được giải phóng.

Việc phát triển và sản xuất nhiều loại vaccine cũng làm gia tăng sự lạc quan đối với sự phục hồi kinh tế lâu dài hơn.

Báo cáo ARTA cũng dự báo tăng trưởng của khu vực sẽ ở mức 4,4% trong năm 2022 và 3,4% vào năm 2023.

Cước vận tải biển từ Á sang Âu tăng nóng, có nơi vượt 10.000 USD/container

Chỉ số World Container Index do hãng tư vấn Drewry công bố vào ngày 27/5 cho thấy, cước vận tải biển cho một container loại 400 foot từ Thượng Hải (Trung Quốc) đến Rotterdam (Hà Lan) đã chạm ngưỡng 10.174 USD, tăng 3,1% so với tuần trước và nhảy vọt 485% so với cùng kỳ năm ngoái.

So với tuần trước, chỉ số tổng hợp của 8 tuyến đường biển chính tăng 2% lên mức 6.257 USD. Còn so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ số này tăng trưởng nóng 293%. Cả hai chỉ số đều đang ở mức cao nhất kể từ năm 2011, Drewry nhấn mạnh.

Tại Mỹ và một số khu vực khác, rất nhiều hãng vận tải hàng hóa phải chi hơn 10.000 USD cho một container trên thị trường giao ngay, mà thông thường họ vốn đã phải trả các khoản phụ phí khổng lồ để đảm bảo giao hàng hoặc dỡ hàng đúng giờ.

Theo lý giải của Bloomberg, cước vận tải biển tăng vọt vì nhu cầu đang vượt xa khả năng cung ứng container loại 20 và 40 foot của thị trường.

Giá thép xây dựng hôm nay 28/5: Bất ngờ tăng trở lại

Giá thép giao tháng 10/2021 hôm nay trên Sàn giao dịch Thượng Hải tăng lên mức 4.896 nhân dân tệ/tấn, tăng 156 nhân dân tệ. Tại Trung Quốc, những lo ngại về việc kiểm soát của chính phủ đang đè nặng lên tâm lý chung trên thị trường, khiến giá các mặt hàng sụt giảm.

8 doanh nghiệp trong KCN ở Bắc Giang chưa thể hoạt động trở lại như kế hoạch

Ban Quản lý Các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang cho biết, ngày 28/5, có 8 doanh nghiệp trong 4 KCN bao gồm Vân Trung, Đình Trám, Quang Châu, Song Khê - Nội Hoàng được phép hoạt động trở lại sau thời gian tạm dừng. Song qua kiểm tra, nắm bắt tình hình thì sáng nay vẫn chưa có đơn vị nào trở lại hoạt động, theo báo Bắc Giang đưa tin.

Nguyên nhân khiến 8 doanh nghiệp trên chưa thể hoạt động trở lại là do hầu hết các doanh nghiệp chưa hoàn thiện hồ sơ trình Ban Quản lý các KCN tỉnh thẩm định về các điều kiện để hoạt động trở lại.

Bên cạnh đó, hầu hết các công ty chưa thể đón ngay được đủ người lao động vì công nhân đang tạm nghỉ việc nơi cư trú, phòng trọ tại các huyện, trong đó có địa phương đang cách ly xã hội.

Trưởng Ban Quản lý các KCN tỉnh Đào Xuân Cường cho biết, để hoạt động trở lại, các doanh nghiệp cần phải có thời gian sắp xếp chỗ ở cho công nhân tại nơi sản xuất và ký túc xá cách ly riêng biệt với bên ngoài.

Khối lượng hàng container xuất nhập khẩu tăng trưởng hai con số

Đại diện lãnh đạo Cục Hàng hải Việt Nam vừa thông tin, 5 tháng đầu năm 2021, dù ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19 nhưng tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam vẫn đạt gần 296 triệu tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2020.

Theo đó, khối lượng hàng container vẫn tăng mạnh nhất khối lượng thông qua cảng đạt hơn 10 triệu Teus, tăng tới 20% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lượng hàng hóa container xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng trưởng hai con số với mức tăng lần lượt là 12% và 25%.

Cũng theo đại diện lãnh đạo Cục Hàng hải Việt Nam, những tháng đầu năm, một số khu vực cảng biển được đánh giá có sản lượng hàng hóa thông qua cao nhất bao gồm: khu vực Thái

Bình tăng 105%, khu vực Đồng Tháp tăng 58%, khu vực Kiên Giang tăng 40%. Những khu vực cảng biển có sản lượng hàng container cao nhất, gồm: khu vực Quảng Nam tăng 106%, khu vực Mỹ Tho tăng 71%.

Các khu vực có hàng container xuất nhập khẩu tăng mạnh, gồm: khu vực Tp. Hồ Chí Minh tăng hơn 16%, khu vực Vũng Tàu tăng 33%, khu vực Hải Phòng tăng hơn 20%.

Tạm dừng nhập khẩu lợn sống từ Thái Lan

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) vừa thông báo, Việt Nam sẽ tạm ngừng nhập khẩu lợn sống để giết mổ làm thực phẩm từ Thái Lan kể từ ngày 30/6.

Theo cơ quan kiểm dịch thuộc Cục Thú y (Bộ NN&PTNT), ngày 19/5, trong quá trình thực hiện kiểm dịch nhập khẩu lô lợn sống 980 con nhập khẩu từ Thái Lan vào Việt Nam để giết mổ làm thực phẩm, cơ quan kiểm dịch tỉnh Quảng Trị đã phát hiện lô lợn bị nhiễm bệnh dịch tả lợn châu Phi.

Để ngăn ngừa bệnh dịch tả lợn châu Phi xâm nhập vào Việt Nam làm lây lan dịch bệnh cho đàn lợn nuôi trong nước, Bộ NN&PNT cho biết, sẽ tạm dừng nhập khẩu lợn sống để giết mổ làm thực phẩm từ Thái Lan kể từ ngày 30/6.

Đối với những lô lợn sống đã được doanh nghiệp hai nước ký hợp đồng mua bán sẽ cho phép vận chuyển về nước đến hết ngày 29/6. Song cơ quan Thú y các địa phương cần tổ chức kiểm soát chặt chẽ để bảo đảm an toàn dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm

Bộ NN&PTNT cũng giao Cục Thú y phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của Thái Lan, xem xét cho nhập khẩu trở lại khi các điều kiện về an toàn dịch bệnh được bảo đảm.

Nhiều chuyên gia cũng cảnh báo ngành chăn nuôi đang đối mặt nguy cơ dịch tả lợn châu Phi bùng phát trở lại, khi thời gian qua hàng loạt địa phương tiếp tục phát hiện nhiều lô lợn dính dịch bệnh.

HPG: Hòa Phát muốn đầu tư khu đô thị cao cấp hơn 450ha tại Cần Thơ

UBND thành phố Cần Thơ vừa ban hành công văn theo đó chấp thuận việc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) tiến hành khảo sát, nghiên cứu, đề xuất đầu tư dự án trên tại quận Bình Thủy.

Theo công văn, Tập đoàn Hòa Phát sẽ có 6 tháng, kể từ ngày 27/5/2021 để thực hiện khảo sát, nghiên cứu. Mọi chi phí liên quan đến việc khảo sát, nghiên cứu do tập đoàn này tự chi trả.

UBND thành phố Cần Thơ đề nghị Tập đoàn Hòa Phát không làm ảnh hưởng đến đời sống của người dân trong khu vực được khảo sát.

Bên cạnh đó, UBND thành phố Cần Thơ giao các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường và UBND quận Bình Thủy có trách nhiệm hỗ trợ, cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi để Tập đoàn Hòa Phát tiến hành khảo sát, nghiên cứu, đề xuất dự án trên.

Ngoài ra, UBND thành phố Cần Thơ cũng lưu ý công văn này không phải văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hoặc công nhận chủ đầu tư dự án.

Cũng tại Cần Thơ, mới đây Tập đoàn Hòa Phát đã được chấp thuận tiến hành khảo sát, nghiên cứu, đề xuất các dự án dự kiến đầu tư tại 2 quận Cái Răng và Ninh Kiều.

Cụ thể, dự án thứ nhất là khu đô thị thương mại - dịch vụ quy mô 88,2ha (gồm khu nhà ở 58,2ha và trung tâm hội chợ triển lãm 30ha) tại phường Phú Thứ, quận Cái Răng.

Dự án thứ hai là khu đô thị thương mại - dịch vụ quy mô 6,24ha tại đường Lê Lợi và đường Trần Văn Khéo thuộc phường Cái Khế, quận Ninh Kiều.

VCB: Tín dụng đến 20/5 đạt 5,6%, nếu được nới room lên 14% vẫn có thể hoàn thành

Ông Nguyễn Thanh Tùng, Phó tổng giám đốc Vietcombank cho hay, đến 20/5, ngân hàng đã hoàn thành 53% kế hoạch tín dụng cả năm và nếu được NHNN giao chỉ tiêu 14% vẫn có thể thực hiện.

Đến hết Quý I, tốc độ tăng trưởng tín dụng tại Vietcombank là đạt 3,7%, cao hơn mức tăng trưởng cùng kỳ là 2,9%. Còn tính đến ngày 20/5/2021, tốc độ tăng trưởng tín dụng của

Vietcombank đã đạt con số 5,6%. Như vậy, Vietcombank đã vượt kế hoạch tăng trưởng của Quý II cũng như đã hoàn thành đến 53% kế hoạch tăng trưởng tín dụng của cả năm 2021.

Tính chung toàn hệ thống, những tháng đầu năm nay cũng chứng kiến tín dụng tăng trưởng mạnh, vượt xa so với cùng kỳ năm 20201. Cụ thể, tín dụng quý I/2021 tăng 2,93%, tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm 2020. Có được kết quả trên là nhờ Chính phủ và NHNN đã có nhiều chỉ đạo sát sao, quyết liệt nhằm góp phần đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế xã hội trong những tháng đầu năm.

TAC: Dầu thực vật Tường An lên kế hoạch kinh doanh 2021 tăng trưởng kiêm tốn, dù quý I lãi đột biến

CTCP Dầu thực vật Tường An (mã chứng khoán TAC - sàn HOSE) vừa công bố tài liệu họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội dự kiến được tổ chức vào ngày 17/6.

Theo đó, năm 2021, TAC đặt ra chỉ tiêu kinh doanh với doanh thu thuần đạt 5.266 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 232 tỷ đồng, lần lượt tăng nhẹ 3,6% và 5% so với thực hiện năm 2020. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến là 20%.

Hội đồng quản trị TAC đánh giá, năm 2021 là năm vẫn còn nhiều khó khăn, thuận lợi đan xen đối với ngành thực phẩm do dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, với tiềm lực hiện có về nguồn vốn, công nghệ sản xuất, năng lực quản trị, uy tín thương hiệu, ban lãnh đạo doanh nghiệp sẽ nỗ lực để hoàn thành chỉ tiêu.

Bức tranh kinh doanh năm 2020 của TAC khá khả quan. Doanh thu thuần năm 2020 đạt 5.247 tỷ đồng, tăng 26,7% so với năm 2019. Lợi nhuận trước thuế đạt 221 tỷ đồng, tăng 29,6% so với năm 2019.

Bước sang năm 2021, quý I vừa qua, doanh thu của TAC ghi nhận 1.583 tỷ đồng tăng 53% so với cùng kỳ năm 2020. Lãi trước thuế đạt 97 tỷ đồng, lãi sau thuế đạt 77,6 tỷ đồng, cao gấp 2,6 lần cùng kỳ. Kết thúc 3 tháng đầu năm, doanh nghiệp hoàn thành 30% chỉ tiêu doanh thu và 42% chỉ tiêu lợi nhuận.

Gelex muốn đổi tên công ty, đẩy nhanh mô hình Holdings

HĐQT Gelex muốn đổi tên công ty sang Tập đoàn Gelex để định hướng sang mô hình holdings. Gelex có thể tiến hành IPO và niêm yết theo từng cấp công ty khi cần thiết. Gelex chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 9% sau tăng vốn (14% trước tăng vốn). Công ty đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 1.285 tỷ đồng, tăng hơn 7% so với năm ngoái.

Đến lượt KIDO gia nhập cuộc chơi bán lẻ

Theo thông tin từ Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM, ngày 27/5, CTCP Tập đoàn KIDO (mã: KDC) đã ký thoả thuận với đối tác kinh doanh và chính thức công bố triển khai dự án bán lẻ theo chuỗi cửa hàng.

Tổng số vốn đầu tư ban đầu của dự án dự kiến 100 tỷ đồng. Trong đó, KIDO sẽ tham gia với 61% vốn để nắm quyền chi phối hệ thống cửa hàng bán lẻ này. Nhiều khả năng, các cửa hàng của KIDO sẽ kinh doanh các sản phẩm do KIDO nghiên cứu từ trước đến nay như đồ uống, thực phẩm, kem,...

Doanh nghiệp cho biết vì dịch bệnh nên chưa công bố thông tin chi tiết.

Thông tin trên không mấy bất ngờ, bởi đây có thể xem là bước đi tiếp theo cụ thể hoá kế hoạch KIDO đã từng tiết lộ trong Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra vào tháng 6 năm ngoái.

Bản tin thị trường

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets

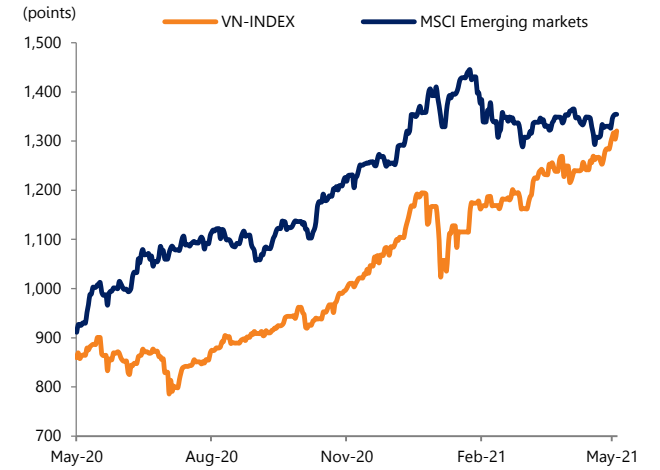

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND

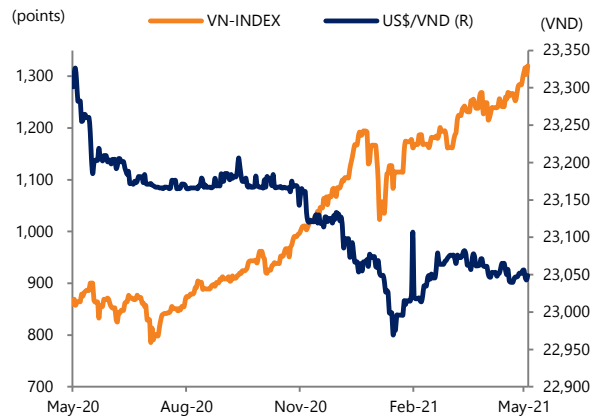

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài

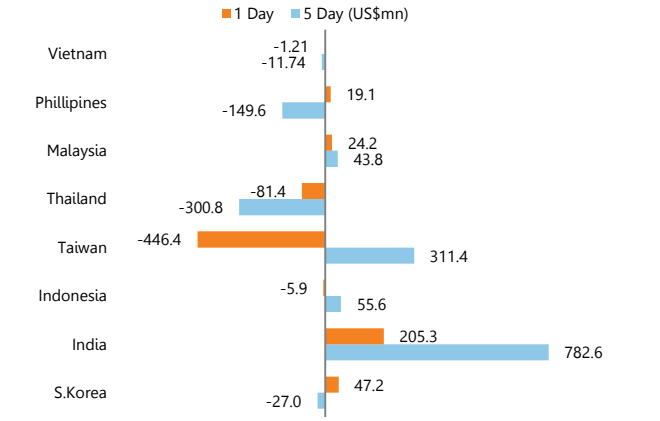

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND

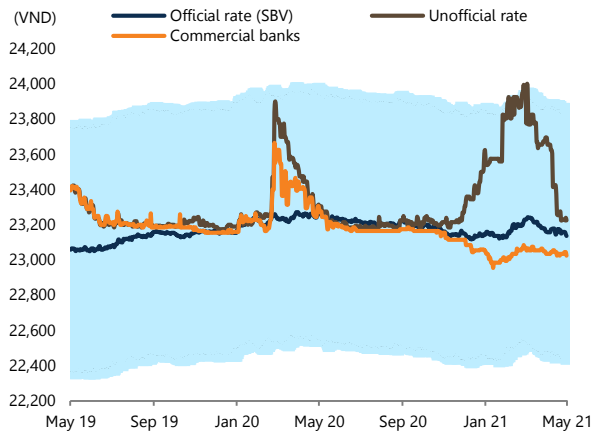

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ

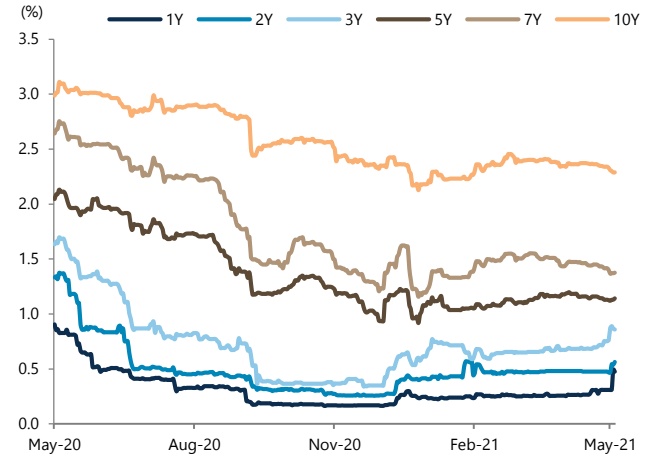

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng

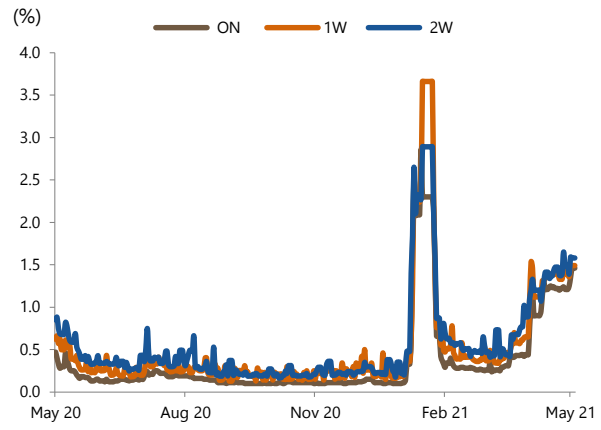

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	**VN30 Index**	**1,458.78**	**3,471,546**		**1.5**	**2.4**	**12.7**	**81.4**	**15.1**	**12.4**	**2.7**	**2.3**	**7.9**	**22.1**	**20.1**	**20.0**
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	47,150	189,638	16.7	3.9	5.4	16.1	15.8	19.1	14.5	2.1	1.8	70.3	32.2	12.1	14.8
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	55,500	41,199	27.4	-1.1	4.1	-3.3	10.1	23.8	20.5	2.0	1.8	12.2	16.0	8.3	9.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	51,200	190,638	25.3	2.0	6.1	28.8	127.1	11.2	10.2	1.9	1.7	24.6	9.8	19.7	19.7
CTCP FPT	FPT VN	94,800	74,808	49.0	1.1	1.1	17.3	97.5	18.6	15.6	4.2	3.6	23.5	19.7	25.6	26.2
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	82,000	156,944	2.4	2.4	1.2	0.1	11.0	15.5	14.8	3.0	2.8	31.2	5.0	19.3	20.0
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	32,850	52,355	17.3	2.7	3.0	22.3	128.7	9.9	8.2	NA	NA	24.8	20.3	19.2	19.0
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	67,100	222,321	29.0	0.4	2.3	19.8	196.0	10.9	9.1	2.8	2.5	59.4	19.6	27.9	26.2
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	39,000	21,793	30.5	0.0	4.3	11.9	88.3	18.4	13.6	2.5	2.1	2.9	35.1	14.5	17.1
NHTMCP Quân đội	MBB VN	37,700	105,513	22.8	3.3	8.8	24.6	152.9	10.0	8.4	1.8	1.5	26.9	19.2	20.1	20.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	112,500	132,152	32.8	2.3	0.5	13.6	79.1	48.8	28.2	6.4	5.2	118.5	73.1	13.6	19.6
CTCP Thế giới di động	MWG VN	142,700	67,844	49.0	0.2	-1.9	1.9	68.5	13.7	11.0	3.4	2.8	20.5	24.8	27.5	27.6
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	134,900	145,927	7.7	-0.8	-1.7	5.4	151.3	34.5	25.6	4.3	3.6	-1.6	34.5	16.1	14.9
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	77,800	37,871	2.7	0.4	2.4	8.8	293.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	54,800	68,161	15.7	1.7	-4.5	9.6	17.1	20.8	16.8	2.9	2.8	283.2	24.1	16.5	17.3
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	101,000	22,964	49.0	-0.6	-0.8	5.5	61.1	17.5	13.8	3.7	3.0	33.9	26.7	24.9	23.3
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,700	27,400	3.2	0.4	0.0	-4.1	12.5	12.9	10.8	0.9	0.8	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	59,300	18,327	49.0	0.2	2.2	16.3	88.6	10.1	8.5	1.4	1.6	12.1	19.0	14.8	12.9
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,700	12,158	8.5	3.1	-1.0	-3.7	32.2	16.9	NA	1.5	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	41,800	26,997	46.1	5.6	7.2	30.2	181.5	18.7	17.4	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	31,850	57,446	11.7	6.9	10.4	31.6	209.2	24.9	15.2	1.9	1.7	2.6	63.2	10.0	12.6
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	53,000	185,760	22.5	3.1	4.3	32.7	153.6	11.6	9.9	2.1	1.7	30.3	17.2	19.5	18.9
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,500	8,763	10.7	1.8	0.0	2.3	7.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	36,100	38,687	30.0	2.8	9.4	32.5	113.6	8.4	7.0	1.8	1.4	26.9	19.9	23.5	22.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	99,600	369,404	23.3	0.9	2.9	0.6	17.9	17.3	13.9	3.1	2.7	29.2	23.9	20.7	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	104,600	344,083	22.6	0.2	0.7	3.7	39.5	11.2	9.3	3.0	2.3	12.2	20.9	31.3	28.6
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	119,800	405,215	14.3	-0.4	-2.2	-8.9	23.5	55.7	41.3	4.4	3.9	27.2	35.0	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	112,000	60,660	18.6	-0.9	-0.6	-11.1	-1.1	54.2	19.2	3.6	2.9	1,476.7	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	91,100	190,395	54.8	0.7	2.1	-2.8	-4.8	18.1	16.9	5.6	5.3	5.5	7.1	34.1	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	68,600	168,396	15.4	1.9	1.2	24.7	197.0	13.5	11.4	2.2	1.8	18.9	18.2	19.3	17.3
CTCP Vincom Retail	VRE VN	30,550	69,419	29.7	-0.7	0.7	-3.0	13.6	24.6	19.6	2.2	2.0	18.6	25.5	9.2	10.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%) 1D	1W	1M	1Y	P/E (X)* 2021	2022	P/B (X)* 2021	2022	Tăng trưởng EPS (%)* 2021	2022	ROE (%)* 2021	2022
VN-Index	**36.53**	**4,886,071**	**1.3**	**2.8**	**7.4**	**53.3**	**16.0**	**13.0**	**2.6**	**2.3**	**12.5**	**22.6**	**18.6**	**18.8**
Ô tô và phụ tùng	0.02	8,190	-0.4	0.9	-0.4	37.2	6.3	5.8	1.2	1.1	33.2	9.1	11.9	11.3
Ngân hàng	24.06	1,691,503	2.6	5.9	19.9	82.0	13.3	10.7	2.1	1.8	30.0	20.8	18.2	18.4
Xây dựng cơ bản	1.18	173,890	1.4	2.9	3.4	79.4	6.3	4.1	0.5	0.4	5.2	35.6	5.6	6.2
Dịch vụ thương mại	0.04	4,606	0.1	3.1	3.8	24.6	7.8	6.1	NA	NA	18.8	27.9	10.5	12.6
May mặc và trang sức	-0.11	43,903	-0.2	-0.7	2.0	131.3	13.0	10.3	2.6	2.1	41.7	22.2	17.3	15.3
Dịch vụ tiêu dùng	-0.05	7,870	1.1	-2.1	-8.2	11.5	NA	8.2	NA	NA	NA	NA	-7.0	4.9
Dịch vụ tài chính	1.10	72,220	3.8	6.4	24.3	160.3	9.8	6.5	0.4	NA	16.1	7.1	7.5	4.8
Năng lượng	-0.61	85,492	2.1	-2.5	9.1	29.3	20.8	15.7	2.5	2.4	NA	31.2	14.3	15.1
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	3.72	522,410	0.9	2.9	1.7	22.7	24.6	17.5	4.7	4.1	45.3	29.0	21.7	22.9
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	887	1.6	1.6	0.0	44.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.01	1,869	0.2	1.1	0.7	7.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.48	48,431	-0.9	3.9	-1.4	12.7	20.3	17.5	1.7	1.6	12.2	16.0	7.1	7.9
Nguyên vật liệu	6.07	472,367	1.3	5.4	16.6	153.7	13.2	12.1	2.1	1.3	51.0	8.7	19.4	17.8
Giải trí và truyền thông	-0.02	1,560	-0.1	-5.2	-14.7	-26.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.21	35,375	3.3	15.1	3.2	76.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-0.89	1,203,623	0.0	2.9	3.6	28.2	9.0	7.5	1.1	1.0	7.5	17.6	8.9	9.5
Bán lẻ	-0.29	76,607	-0.1	-0.2	-0.7	60.7	28.2	21.3	3.1	2.6	20.9	28.4	15.1	15.1
Phần mềm và dịch vụ	0.29	79,246	0.3	-1.4	1.9	66.1	12.7	10.1	3.0	2.6	30.7	25.2	24.7	24.9
Thiết bị và phần cứng	-0.08	5,461	1.2	1.4	16.9	94.9	17.6	14.7	3.9	3.4	28.6	18.6	24.1	24.7
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,228	-4.5	-4.9	17.2	373.9	13.8	11.5	3.7	2.9	48.0	20.3	27.0	27.6
Vận tải	0.09	156,832	-2.9	3.8	6.8	286.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.65	239,271	-0.2	0.3	-5.5	17.3	23.7	9.5	3.9	3.1	NA	66.4	-17.4	11.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	28,750	13.4	6,163,960	3.6
CTG VN	51,200	6.1	18,373,260	2.9
VCB VN	99,600	2.9	2,327,540	2.8
BID VN	47,150	5.4	6,882,560	2.6
MBB VN	37,700	8.8	26,303,000	2.3
SSB VN	39,000	21.9	2,649,320	2.3
TCB VN	53,000	4.3	15,535,440	2.1
SAB VN	161,500	7.5	186,580	1.9
EIB VN	31,900	22.5	1,696,000	1.9
STB VN	31,850	10.4	41,559,860	1.4

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	119,800	-2.2	1,821,380	-2.4
PLX VN	54,800	-4.5	4,057,420	-0.9
NVL VN	134,900	-1.7	1,405,980	-0.7
MWG VN	142,700	-1.9	740,520	-0.3
VGC VN	29,200	-6.1	278,340	-0.2
HVN VN	26,200	-2.1	580,640	-0.2
TCM VN	86,900	-6.1	94,220	-0.1
FLC VN	12,150	-4.3	25,011,840	-0.1
VJC VN	112,000	-0.6	471,880	-0.1
SJS VN	53,200	-5.0	150,920	-0.1

Nguồn: Bloomberg

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.